

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/HNGĐ-ST

Ngày 29-4-2021

V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Từ Minh Hải;

- Ông Lê Ngọc Giới;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29/4/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 31/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Triệu Thị Kh, sinh năm 1975

Nơi cư trú: Thôn V, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

(Vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Đặng Văn M, sinh năm 1970;

Nơi cư trú: Thôn V, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/02/2021, bản tự khai và các lời khai tiếp theo của nguyên đơn chị Triệu Thị Khuyên trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Đặng Văn M ngày 08/12/1995 có đăng ký kết hôn tại UBND xã L1, huyện L2. Trước khi kết hai bên có được tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi cưới vợ chồng về sống chung cùng nhau ngay tại gia đình nhà anh Mạnh. Quá trình chung sống vợ chồng có hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 8 năm 2020, vợ chồng chị có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày cũng như trong làm ăn phát triển kinh

tế gia đình. Từ đó đến nay, vợ chồng chị không ai quan tâm đến ai, mỗi người có cuộc sống riêng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Văn M.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con là Đặng Văn C, sinh nam 1996; Đặng Thị U, sinh năm 2001. Các con đều đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về các yêu cầu khác, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị Triệu Thị Kh có đơn xét xử vắng mặt.

* Bị đơn anh Đặng Văn M trình bày: Anh thừa nhận về điều kiện, thời gian kết hôn, như chị Khuyên trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh không có mâu thuẫn vẫn sống chung một nhà, vợ chồng không sống ly thân. Anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị Khuyên xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn, anh có nguyện vọng mong muốn vợ chồng về đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Anh thừa nhận vợ chồng có 02 con chung nay các con đều đã trưởng thành nên không đề nghị giải quyết.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về các yêu cầu khác, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Anh Đặng Văn M vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn có đơn xét xử vắng mặt; Bị đơn anh Đặng Văn M vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt cả nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của BLTTDS.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS); Điều 24, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Triệu Thị Kh được ly hôn anh Đặng Văn M.

- Về con chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản và các yêu cầu khác: Chị Kh, anh M đều không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết;

- Về án phí: Chị Triệu Thị Kh phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Chị Triệu Thị Kh có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Đặng Văn M , nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của BLTTDS xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Đặng Văn M là bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện L, tỉnh Bắc Giang nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang là đúng qui định.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Tại phiên tòa, cả nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227 và Điều 228 của BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt là đúng qui định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Triệu Thị Kh và anh Đặng Văn M kết hôn trên cơ sở có tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lục Sơn huyện Lục Nam ngày 08/12/1995, việc kết hôn giữa chị Kh, anh M là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau, cuộc sống vợ chồng có hòa thuận, hạnh phúc. Căn cứ vào biên bản xác minh, anh Mạnh là đối tượng vừa chấp hành án về địa phương, cuộc sống vợ chồng anh có xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Hội đồng xét xử, xét thấy: Cuộc sống vợ chồng giữa chị Kh và anh M đã mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần xử cho chị Khuyên được ly hôn với anh M là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về con chung*: Chị Khuyên và anh M thừa nhận có 02 con, đều đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[2.3] *Về tài sản và các yêu cầu khác*: Chị Kh đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] *Về án phí*: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Khuyên thuộc người dân tộc Dao sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, nên chị Kh được miễn tiền án phí theo quy định của pháp luật.

[2.5] *Về quyền kháng cáo*: Căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 53, 56; của Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều: 28, 35, 39, 144, Điều 147, Điều 150, Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Triệu Thị Kh được ly hôn anh Đặng Văn M.

2. Về án phí: Chị Triệu Thị Kh được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Báo cho đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lục Nam;
- THADS huyện Lục Nam;
- UBND xã Lục Sơn;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Toan

Nơi nhận :
- *TAND Tỉnh*

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa

- VKSND Tỉnh , Huyện .
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu hồ sơ . VP./.

Hoàng Văn Toàn